

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN
MỸ TRÀ**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012**



Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà

MỤC LỤC	Trang
01. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán	6 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.

1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Liêm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó chủ tịch
Bà Huỳnh Thị Mộng Kiều	Thành viên
Ông Ngô Quang Danh	Thành viên
Ông Võ Hữu Nhac	Thành viên

Trong năm tài chính này, Ông Võ Hữu Nhac được bầu vào thành viên Hội đồng quản trị thay cho Lê Văn Thành từ tháng 06 năm 2012 theo Nghị Quyết Hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ.ĐHCĐ ngày 21 tháng 05 năm 2012.

2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Lê Thị Thúy	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Trần Thị Kim Thoa	Ủy viên
- Bà Lê Thị Phiến	Ủy viên

Trong năm tài chính này, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Ban kiểm soát.

3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Trần Ngọc Liêm	Giám đốc
- Bà Võ Mai Ly	Phó Giám đốc
- Ông Võ Hữu Nhac	Phó Giám đốc

Trong năm tài chính này, Bà Lê Thị Xuân Mai không còn giữ chức vụ Phó Giám Đốc công ty kể từ ngày 31/12/2012 theo Quyết định số 131/QĐ.MTSC ngày 28 tháng 12 năm 2012.

4 Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thị Xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Công ty là Công ty con của Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp. Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Khách sạn Hòa Bình
- Nhà Hàng Mỹ An
- Khu Du lịch Mỹ Trà



Số: 40 /2013/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
của Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc**
Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013, từ trang 6 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0325/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ

Cần Thơ, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Trần Thủ Đức

Chứng chỉ KTV số 0453/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số : B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.443.128.129	7.397.128.075
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	4.120.319.216	4.989.765.598
1. Tiền	111		620.319.216	989.765.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	4.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	2.528.935.606	1.923.451.060
1. Phải thu khách hàng	131		2.718.900.141	2.019.028.155
2. Trả trước cho người bán	132		30.056.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		43.922.535	22.246.575
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(263.943.070)	(117.823.670)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		405.296.470	255.272.828
1. Hàng tồn kho	141	V.3	405.296.470	255.272.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	388.576.837	228.638.589
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.371.437	41.519.945
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		189.739.806	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		145.465.594	187.118.644
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.829.474.551	49.442.198.209
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		47.811.350.138	48.346.774.029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	14.141.105.138	14.676.529.029
- Nguyên giá	222		17.897.302.501	17.380.475.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.756.197.363)	(2.703.946.538)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	33.670.245.000	33.670.245.000
- Nguyên giá	228		33.670.245.000	33.670.245.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.7	1.018.124.413	1.095.424.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.018.124.413	1.095.424.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56.272.602.680	56.839.326.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.243.453.212	1.804.378.764
I. Nợ ngắn hạn	310		2.203.453.212	1.764.378.764
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.8	214.924.478	275.235.022
3. Người mua trả tiền trước	313		101.877.000	172.181.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	390.800.548	481.060.135
5. Phải trả người lao động	315		484.997.702	436.552.293
6. Chi phí phải trả	316	V.10	963.080.844	547.403.062
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	89.216.280	17.753.399
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(41.443.640)	(165.806.147)
II. Nợ dài hạn	330		40.000.000	40.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.12	40.000.000	40.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.029.149.468	55.034.947.520
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	54.029.149.468	55.034.947.520
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.234.060.200	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(110.000.000)	(110.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		582.882.016	478.572.687
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		272.314.072	159.524.229
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.049.893.180	2.506.850.604
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56.272.602.680	56.839.326.284

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

<u>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lý Kim Phụng
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Liêm
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	28.567.939.694	49.665.624.927
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	51.608.390
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		28.567.939.694	49.614.016.537
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.051.495.772	42.926.161.324
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		4.516.443.922	6.687.855.213
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	473.361.569	390.816.111
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	1.698.037.964	1.862.370.781
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.675.357.223	2.212.182.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		616.410.304	3.004.117.930
11. Thu nhập khác	31		-	57.224.548
12. Chi phí khác	32		-	38.646.667
13. Lợi nhuận khác	40		-	18.577.881
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		616.410.304	3.022.695.811
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	166.802.576	766.898.953
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		449.607.728	2.255.796.858
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		86	434



Lý Kim Phụng
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Liêm
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Mẫu số : B 03 - DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	27.283.263.730	63.273.587.490
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22.799.019.111)	(26.817.874.498)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.599.234.514)	(3.603.120.399)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(603.238.487)	(812.134.970)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.267.445.329	2.948.411.394
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.539.992.384)	(31.844.866.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.224.563	3.144.002.959
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(554.532.514)	(728.419.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	18.577.881
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	473.361.569	368.569.536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	418.829.055	(341.271.856)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.297.500.000)	(1.038.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.297.500.000)	(1.038.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(869.446.382)	1.764.731.103
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.989.765.598	3.225.034.495
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.120.319.216	4.989.765.598



Lý Kim Phụng
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Liêm
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn:

Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Mỹ Trà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 1400696545 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 52.000.000.000 đồng.

Nhóm cổ đông	Số CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TM Dầu Khí Đồng Tháp	4.293.200	42.932.000.000	82,56%
- Công ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	70.000	700.000.000	1,35%
- Công ty CP TMDK Cửu Long	50.000	500.000.000	0,96%
- Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu	30.000	300.000.000	0,58%
- Công ty CP Cơ Khí Đồng Tháp	20.000	200.000.000	0,38%
- Huỳnh Mộng Kiều	438.300	4.383.000.000	8,43%
- Các cổ đông khác	298.500	2.985.000.000	5,74%
Cộng	5.200.000	52.000.000.000	100%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 là: 52.234.060.200.

2 Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thị Xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Công ty là Công ty con của Công ty Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp. Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Khách sạn Hòa Bình
- Nhà Hàng Mỹ An
- Khu Du lịch Mỹ Trà

Công ty đã tiến hành sát nhập Khu Du Lịch Mỹ Trà vào Văn Phòng Công ty từ tháng 06 năm 2012 và ngưng hoạt động Nhà Hàng Mỹ An để cho thuê lại từ tháng 11 năm 2012.

3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh dịch vụ du lịch
- Dịch vụ massage;
- Đại lý vé máy bay;
- Vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt, gas, phân bón.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các ngành nghề nêu trên trừ mua bán xăng dầu, nhớt, gas...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

4 **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2 Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Loại TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Lợi nhuận thuần được chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. ";" Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá gốc của các chứng khoán này lớn hơn giá trị thị trường của chúng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường một cách tin cậy, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá gốc của các chứng khoán này lớn hơn giá trị sổ sách trên báo cáo tài chính của đơn vị phát hành.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí sửa chữa tài sản được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và số chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

12 Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 25%. Công ty là doanh nghiệp thương mại và dịch vụ nhưng do không thỏa điều kiện về vốn và số lượng lao động bình quân theo điều 3 nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 nên không được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

13 Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	92.876.226	113.695.425
Tiền gửi ngân hàng	527.442.990 (a)	876.070.173
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000 (b)	4.000.000.000
Cộng	<u>4.120.319.216</u>	<u>4.989.765.598</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng Quốc tế VIB	1.553.584
- Ngân hàng Phương Nam - CN Đồng Tháp	1.190.563
- Ngân hàng Công Thương - CN Đồng Tháp	454.834.928
- Ngân hàng Đầu Tư & PT VN - CN Đồng Tháp	60.052.822
- Ngân hàng Sacombank - CN Đồng Tháp	9.811.093
Cộng	527.442.990

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV Việt Nam - CN Đồng Tháp	3.500.000.000
Cộng	3.500.000.000

2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	2.718.900.141 (c)	2.019.028.155
Trả trước cho người bán	30.056.000 (d)	-
Các khoản phải thu khác	43.922.535	22.246.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(263.943.070) (e)	(117.823.670)
Cộng	2.528.935.606	1.923.451.060

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Công ty CPXD Công Trình Giao Thông	131.443.750	131.443.750
- Trạm Xăng Dầu Mỹ Trà 2	58.791.979	5.183.670
- Trạm Xăng Dầu Mỹ An	30.120.000	1.725.000
- Khách hàng tại Nhà Hàng Mỹ An	144.753.361	-
- Khách hàng tại Văn Phòng Công ty	1.652.720.251	120.603.650
- Khách hàng tại Chi Nhánh Hòa Bình	701.070.800	4.987.000
Cộng	2.718.900.141	263.943.070

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

Người bán	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Công ty SX TM Dịch Vụ Thiên Nghi	22.000.000	-
- VietNam Airlines	8.056.000	-
Cộng	30.056.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(e) Chi tiết số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số dự phòng
- Nợ quá hạn của Cty CPXDGT Đồng Tháp	131.443.750	100%	131.443.750
- Nợ quá hạn của Nguyễn Minh Tân	1.725.000	100%	1.725.000
- Nợ quá hạn tại Văn Phòng Công ty	120.603.650	100%	120.603.650
- Nợ quá hạn tại Trạm Xăng Dầu Mỹ Trà 2	5.183.670	100%	5.183.670
- Nợ quá hạn tại KS Hòa Bình	4.987.000	100%	4.987.000
Cộng	263.943.070		263.943.070

3 Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	169.412.615 (f)	114.469.322
Công cụ, dụng cụ	61.529.409	-
Hàng hoá tồn kho	174.354.446 (g)	140.803.506
Cộng	405.296.470	255.272.828

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Nguyên vật liệu chính tại Khách Sạn Hòa Bình	169.412.615
Cộng	169.412.615

(g) Chi tiết số dư hàng hóa tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Hàng hóa tồn kho tại Công ty	60.312.609
- Hàng hóa tồn kho tại Khách Sạn Hòa Bình	114.041.837
Cộng	174.354.446

4 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	53.371.437 (h)	41.519.945
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	189.739.806	-
Tài sản ngắn hạn khác	145.465.594 (i)	187.118.644
Cộng	388.576.837	228.638.589

(h) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Chi phí trả trước của Nhà hàng và tour du lịch	53.371.437
Cộng	53.371.437

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
 Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng Quốc tế VIB	1.553.584
- Ngân hàng Phương Nam - CN Đồng Tháp	1.190.563
- Ngân hàng Công Thương - CN Đồng Tháp	454.834.928
- Ngân hàng Đầu Tư & PT VN - CN Đồng Tháp	60.052.822
- Ngân hàng Sacombank - CN Đồng Tháp	9.811.093
Cộng	527.442.990

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV Việt Nam - CN Đồng Tháp	3.500.000.000
Cộng	3.500.000.000

2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	2.718.900.141 (c)	2.019.028.155
Trả trước cho người bán	30.056.000 (d)	-
Các khoản phải thu khác	43.922.535	22.246.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(263.943.070) (e)	(117.823.670)
Cộng	2.528.935.606	1.923.451.060

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Công ty CPXD Công Trình Giao Thông	131.443.750	131.443.750
- Trạm Xăng Dầu Mỹ Trà 2	58.791.979	5.183.670
- Trạm Xăng Dầu Mỹ An	30.120.000	1.725.000
- Khách hàng tại Nhà Hàng Mỹ An	144.753.361	-
- Khách hàng tại Văn Phòng Công ty	1.652.720.251	120.603.650
- Khách hàng tại Chi Nhánh Hòa Bình	701.070.800	4.987.000
Cộng	2.718.900.141	263.943.070

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

Người bán	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Công ty SX TM Dịch Vụ Thiên Nghi	22.000.000	-
- VietNam Airlines	8.056.000	-
Cộng	30.056.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
 Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(i) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Tạm ứng	145.465.594
Cộng	145.465.594

5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	17.380.475.567	516.826.934	-	17.897.302.501
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.332.544.876	516.826.934	-	16.849.371.810
- Máy móc thiết bị	230.479.600	0	-	230.479.600
- PT vận tải, TB truyền dẫn	776.601.091	0	-	776.601.091
- Thiết bị quản lý	40.850.000	-	-	40.850.000
Hao mòn lũy kế	2.703.946.538	1.052.250.825	-	3.756.197.363
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.572.054.433	943.025.830	-	3.515.080.263
- Máy móc thiết bị	67.332.229	26.458.636	-	93.790.865
- PT vận tải, TB truyền dẫn	49.241.126	77.660.109	-	126.901.235
- Thiết bị quản lý	15.318.750	5.106.250	-	20.425.000
Giá trị còn lại	14.676.529.029			14.141.105.138
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.760.490.443			13.334.291.547
- Máy móc thiết bị	163.147.371			136.688.735
- PT vận tải, TB truyền dẫn	727.359.965			649.699.856
- Thiết bị quản lý	25.531.250			20.425.000

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2011 như sau:

	Số tiền
- Tài sản tăng do mua sắm	516.826.934
Cộng	516.826.934

6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	33.670.245.000	-	-	33.670.245.000
- Quyền sử dụng đất	33.670.245.000	-	-	33.670.245.000
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	33.670.245.000			33.670.245.000
- Quyền sử dụng đất	33.670.245.000			33.670.245.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

7 Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	1.018.124.413 (j)	1.095.424.180
Cộng	1.018.124.413	1.095.424.180

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Công cụ dụng cụ tại nhà hàng	1.018.124.413
Cộng	1.018.124.413

8 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	214.924.478 (k)	275.235.022
Người mua trả tiền trước	101.877.000 (l)	172.181.000
Cộng	316.801.478	447.416.022

(k) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

Người bán	<u>Số tiền</u>
- Công ty TNHH Duy Minh	97.408.000
- Công ty TNHH Metro Cash VN	9.217.469
- Các nhà cung cấp khác	108.299.009
Cộng	214.924.478

(l) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	<u>Số tiền</u>
- Văn Phòng Công ty	77.894.000
- Khách Sạn Hòa Bình	23.983.000
Cộng	101.877.000

9 Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT phải nộp	389.764.548	226.200.996
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	4.195.804
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	246.696.105
- Thuế thu nhập cá nhân	1.036.000	3.967.230
Cộng	390.800.548	481.060.135

10 Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí thuê tài sản, mua ngoài	926.717.208	547.403.062
- Trích trước chi phí kiểm toán năm 2012	36.363.636	-
Cộng	963.080.844	547.403.062

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	89.216.280	17.753.399
Cộng	89.216.280	17.753.399

12 Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	40.000.000 (m)	40.000.000
Cộng	40.000.000	40.000.000

Chi tiết số dư phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Nhận đặt cọc thuê khu nhà biệt thự	40.000.000
Cộng	40.000.000

13 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.000.000.000	-	-	52.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	250.349.596	228.223.091	-	478.572.687
Quỹ dự phòng tài chính	83.449.865	76.074.364	-	159.524.229
LN sau thuế chưa phân phối	1.699.855.310	2.255.796.858	1.448.801.564	2.506.850.604
Cộng	53.923.654.771	2.560.094.313	1.448.801.564	55.034.947.520

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.000.000.000	234.060.200	-	52.234.060.200
Cổ phiếu quỹ	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	478.572.687	338.369.529	234.060.200	582.882.016
Quỹ dự phòng tài chính	159.524.229	112.789.843	-	272.314.072
LN sau thuế chưa phân phối	2.506.850.604	449.607.728	1.906.565.152	1.049.893.180
Cộng	55.034.947.520	1.134.827.300	2.140.625.352	54.029.149.468

Chi tiết quỹ đầu tư phát triển tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2011	338.369.529
Cộng	338.369.529

Chi tiết quỹ dự phòng tài chính tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2011	112.789.843
Cộng	112.789.843

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
 Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiết quỹ đầu tư phát triển giảm như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển tăng vốn khác do đầu tư TSCĐ hoàn thành	234.060.200
Cộng	234.060.200

c. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TM Dầu Khí Đồng Tháp	42.932.000.000	42.932.000.000
- Công ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	700.000.000	700.000.000
- Công ty CP TMDK Cửu Long	500.000.000	500.000.000
- Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Cơ Khí Đồng Tháp	200.000.000	200.000.000
- Huỳnh Mộng Kiều	4.383.000.000	4.383.000.000
- Các cổ đông khác	2.985.000.000	2.985.000.000
- Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	234.060.200	
Cộng	52.234.060.200	52.000.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	
- Vốn đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	234.060.200	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn cuối năm	52.234.060.200	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.297.500.000	1.038.000.000

e. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

f. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.223.406	5.200.000
chúng	5.223.406	5.200.000
+ Cổ phiếu thường	5.223.406	5.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.000	11.000
+ Cổ phiếu thường	11.000	11.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.212.406	5.189.000
+ Cổ phiếu thường	5.212.406	5.189.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa & cung cấp dịch vụ	28.049.628.003	49.665.624.927
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	518.311.691	-
Cộng	<u>28.567.939.694</u>	<u>49.665.624.927</u>
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	51.608.390

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng hoá	24.051.495.772	42.926.161.324
Cộng	<u>24.051.495.772</u>	<u>42.926.161.324</u>

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	473.361.569	390.816.111
Cộng	<u>473.361.569</u>	<u>390.816.111</u>

4 Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	1.475.706.327	435.731.860
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.511.100	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.045.320	23.506.230
- Chi phí bằng tiền khác	164.775.217	1.403.132.691
Cộng	<u>1.698.037.964</u>	<u>1.862.370.781</u>

5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.820.315.279	1.627.411.651
- Chi phí đồ dùng văn phòng	51.544.415	28.641.052
- Chi phí khấu hao TSCĐ	67.033.482	51.159.543
- Thuế, phí và lệ phí	64.177.244	50.531.928
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.083.387	112.606.822
- Chi phí bằng tiền khác	524.203.416	341.831.617
Cộng	<u>2.675.357.223</u>	<u>2.212.182.613</u>

6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN năm hiện hành.	166.802.576	766.898.953
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>166.802.576</u>	<u>766.898.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

7 Phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.506.850.604
Lợi nhuận trước thuế năm nay	616.410.304
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	50.800.000
- Chi thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	50.800.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế TNDN	-
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-
Lợi nhuận chịu thuế năm nay	667.210.304
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	166.802.576
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.956.458.332
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	338.369.529
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	112.789.843
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	157.905.780
- Chia cổ tức	1.297.500.000
Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	1.049.893.180

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
- Thông tin về các bên liên quan:**

a) Các giao dịch với Ban lãnh đạo Công ty trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	405.321.600	261.420.000
Thù lao HĐQT, BKS	76.800.000	76.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN MỸ TRÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Các giao dịch với các bên liên quan khác trong năm

Nội dung giao dịch	Các bên liên quan	Quan hệ	Số tiền
Thuê tài sản	Công ty TNHH Dầu khí ĐT	Công ty mẹ	1.718.181.816
Chia cổ tức	Công ty TNHH Dầu Khí ĐT	Công ty mẹ	1.073.000.000

c) Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan khác tại ngày 31/12/2012

Tình chất số dư	Các bên liên quan	Quan hệ	Số tiền
Phải thu khách hàng	Công ty CP Nhiên Liệu ĐT	Cổ đông	208.450.000
Phải trả người bán	Công ty TNHH Dầu khí ĐT	Công ty mẹ	926.717.208

4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5 Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6 Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lý Kim Phụng
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Liêm

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2013